

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HS-ST

Ngày 24-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Bích Hà

Ông Phạm Văn Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn-Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 127/2023/TLST-HS, ngày 27 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Sầm Văn V (tên gọi khác: không có), sinh ngày 09 tháng 01 năm 1993 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: thôn D, xã Th, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sầm Văn B, sinh năm 1966 và bà Nông Thị Ch, sinh năm 1972; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại Bản án số 87/2020/HSST, chấp hành xong toàn bộ Bản án ngày 28/8/2021; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 19/10/2023 đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: thôn L, xã ĐT, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

2. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1975. Địa chỉ: thôn LG, xã ĐT, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

3. Anh Trần Văn H, sinh năm 1981. Địa chỉ: thôn GS, xã TT, huyện Hữu

Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Lý Xuân H1, sinh năm 1973. Địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn B, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

2. Anh Hà Văn H1, sinh năm 1991. Địa chỉ: thôn Đ, xã ĐH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sầm Văn V biết những người đi làm đồi rừng thường để xe mô tô ở đường mòn, đường khai thác dưới chân đồi, chìa khóa xe thường để trong túi áo để ở xe hoặc vẫn cầm ở ổ khóa. Đến cuối tháng 9/2023, do không có tiền sử dụng cá nhân nhưng lại không muốn lao động kiếm tiền nên Viện đã nảy sinh ý định đi trộm xe mô tô của những người đi làm đồi rừng. Sầm Văn V đi bộ theo đường mòn vào các khu rừng xem thấy ai để xe mô tô sơ hở thì trộm cắp, từ ngày 23/9/2023 đến ngày 16/10/2023 Sầm Văn V đã thực hiện 04 lần trộm cắp xe mô tô tại xã Đồng Tiến và xã Thiện Tân, huyện Hữu Lũng, cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23/9/2023, Sầm Văn V đi đến thôn L, xã ĐT, huyện Hữu Lũng rồi đi theo đường mòn cạnh tỉnh lộ 242 thì thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI SMASH, biển kiểm soát 12F8-8426 của chị Lê Thị H, sinh năm 1976, trú tại thôn L, xã ĐT, huyện Hữu Lũng dựng ở trước cửa ngôi nhà đã bỏ hoang dưới chân đồi, không thấy người qua lại, Viện kiểm tra thấy cốp xe đã hỏng khóa, chìa khóa xe và giấy đăng ký xe để trong cốp, Viện đã lấy chìa khóa nổ máy điều khiển xe đến thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang vào hiệu cầm đồ và sửa chữa, mua bán xe máy, bán cho chủ hiệu lấy 500.000 đồng đem đi sử dụng cá nhân hết.

Lần thứ hai: khoảng 09 giờ 30 phút ngày 04/10/2023 Sầm Văn V đến khu vực đồi đang khai thác cây của gia đình ông Lê Đình Hời, ở thôn L, xã ĐT, phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu đen bạc, biển kiểm soát 12H1-063.02 của anh Hoàng Văn T, sinh năm 1975, trú tại thôn LG, xã ĐT, huyện Hữu Lũng để ở cạnh chuồng gà gần đường mòn khai thác gỗ, trên xe có treo một chiếc áo, Viện lục túi tìm thấy chìa khóa xe để trong túi dùng chìa khóa nổ máy điều khiển xe đến thị trấn Bó Hạ bán cho chủ hiệu cầm đồ nói trên lấy 500.000 đồng đem đi sử dụng cá nhân hết.

Lần thứ ba: khoảng 10 giờ 40 phút ngày 13/10/2023, Sầm Văn V đi bộ vào khu đồi Suối Toong, thôn D, xã Th, huyện Hữu Lũng; thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, màu xanh - đen - bạc, biển kiểm soát: 12H1-006.08 của anh Trần Văn H, sinh năm 1981, trú tại thôn GS, xã TT, huyện Hữu Lũng để ở đường mòn khai thác, chìa khóa điện vẫn cầm ở ổ khóa, Viện nổ máy điều khiển đi đến cơ sở thu mua phế liệu của anh Hà Văn H1, sinh năm 1991 ở thôn Đ, xã ĐH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang bán cho anh Hiền lấy 1.000.000 đồng đem đi sử dụng cá nhân hết.

Lần thứ tư: khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/10/2023, Sầm Văn V vào đến khu vực trộm xe ngày 04/10/2023. Viện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu GUIDA, màu đỏ, biển kiểm soát: 51M4 - 6659 của anh Hoàng Văn T, sinh năm 1975, trú tại thôn LG, xã ĐT, huyện Hữu Lũng để ở đó chìa khóa vẫn cắm ở xe, Sầm Văn V điều khiển xe đi bán cho chủ hiệu cầm đồ và sửa chữa, mua bán xe máy đã bán 02 xe trước đó lấy 500.000 đồng đem đi sử dụng cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 55 ngày 26/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hữu Lũng kết luận:

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12F8 - 8426 của chị Lê Thị H trị giá 2.100.000 đồng; chiếc xe biển kiểm soát 12H1 - 063.02 của anh Hoàng Văn T trị giá 2.600.000 đồng; chiếc xe biển kiểm soát 12H1 - 006.08 của anh Trần Văn H trị giá 7.500.000 đồng và chiếc xe biển kiểm soát 51M4 - 6659 của anh Hoàng Văn T trị giá 2.000.000 đồng. Tổng trị giá 04 chiếc xe là 14.200.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 26 tháng 12 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Sầm Văn V về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Anh Trần Văn H và chị Lê Thị H trong quá trình điều tra trình bày: Anh, chị đều bị bị cáo trộm cắp xe mô tô khi đang đi làm. Anh, chị không có ý kiến gì về kết quả kết luận định giá tài sản và yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô theo kết luận định giá tài sản.

Tại phiên tòa, bị cáo Sầm Văn V thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và nhất trí bồi thường giá trị tài sản cho các bị hại chị Lê Thị H, anh Hoàng Văn T, anh Trần Văn H giá trị của chiếc xe theo giá của Hội đồng định giá.

Bị hại anh Hoàng Văn T trình bày: Bị cáo Sầm Văn V đã trộm cắp 02 xe mô tô của anh nên anh yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị 02 chiếc xe theo định giá. Bị cáo đã nhất trí bồi thường nên anh không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: về tội danh, tuyên bố bị cáo Sầm Văn V phạm tội Trộm cắp tài sản; về hình phạt, căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi tư) tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung; về trách nhiệm dân sự, căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại giá trị những chiếc xe không thu giữ được, theo giá mà Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hữu Lũng kết luận; về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại đều không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo Sầm Văn V không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị hại chị Lê Thị H, anh Trần Văn H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Xuân Hùng, anh Hà Văn H1 đều vắng mặt. Tuy nhiên, lời khai của họ tại cơ quan điều tra đã được làm rõ nên việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Sầm Văn V đã thừa nhận hành vi của mình. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Vào ngày 23/9/2023 và các ngày 04, 13, 16/10/2023, bị cáo Sầm Văn V đã thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn xã Đồng Tiến và xã Thiện Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 14.200.000 đồng. Cụ thể: Ngày 23/9/2023, bị cáo đã trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12F8-8426 của chị Lê Thị H trị giá 2.100.000 đồng; ngày 13/10/2023, bị cáo đã trộm cắp 01 chiếc xe biển kiểm soát 12H1 - 006.08 của anh Trần Văn H trị giá 7.500.000 đồng; ngày 04 và ngày 16/10/2023, bị cáo đã trộm cắp 01 chiếc xe biển kiểm soát 12H1-063.02 trị giá 2.600.000 đồng và 01 chiếc xe biển kiểm soát 51M4-6659 trị giá 2.000.000 đồng của anh Hoàng Văn T. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành về tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu về quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đã trực tiếp và lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình gây ra là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Điều đó đã gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh trên địa bàn dân cư. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo tội danh, hình phạt đã quy định tại Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Tuy không có tiền án, tiền sự nhưng đã từng bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đã chấp hành xong bản án nhưng việc tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện bị cáo là người thiếu tu dưỡng bản thân và coi thường pháp luật nên

xác định bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo phạm tội hai lần trở lên đối với hành vi Trộm cắp tài sản thực hiện vào ngày 23/9/2023 và các ngày 04, 13, 16/10/2023 nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội như trên, nhận thấy bị cáo còn coi thường pháp luật, đã từng bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần quyết định mức hình phạt nghiêm khắc đảm bảo sự răn đe để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét cụ thể trường hợp của bị cáo không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, anh Hoàng Văn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị trộm cắp gồm 02 chiếc xe với tổng số tiền là 4.600.000 đồng. Bị cáo nhất trí có trách nhiệm bồi thường giá trị tài sản cho anh Tiên, đây là sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo và bị hại, Hội đồng xét xử công nhận vấn đề này. Đối với chị Lê Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị trộm cắp là 2.100.000 đồng và anh Trần Văn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị trộm cắp là 7.500.000 đồng. Bị cáo cũng nhất trí bồi thường, do đó cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về giá trị 02 chiếc xe cho chị Lê Thị H và anh Trần Văn H.

[9] Đối với những chiếc xe mô tô Sầm Văn V trộm cắp, do những người mua xe với bị cáo đã bán cho người khác không rõ nhân thân lai lịch và số tiền bán xe có được bị cáo đã sử dụng hết nên không thu giữ được.

[10] Bị cáo Sầm Văn V khai sau khi trộm cắp được xe mô tô Viện đã bán 03 chiếc cho chủ hiệu cầm đồ và sửa chữa, mua bán xe máy, Viện không rõ tên Hưng hay Hùng ở thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Cơ quan điều tra đã xác minh tại tổ dân phố Hòa Bình thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang có hiệu cầm đồ và sửa chữa, mua bán xe máy chủ hiệu là anh Lê Xuân Hùng, sinh năm 1973; kết quả nhận dạng, Viện xác định đúng là người đã mua 03 chiếc xe do Viện trộm cắp đem bán, tuy nhiên anh Lê Xuân Hùng khai không quen biết Viện, do làm nghề cầm đồ, sửa chữa và mua bán xe máy, hàng ngày tiếp xúc với nhiều người đến cầm cố và mua bán xe nên không nhớ có được mua xe với Viện không; anh Hà Văn H1, khi mua xe với Sầm Văn V cũng không biết xe do Viện trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Xét đề nghị luận tội của Kiểm sát viên về các vấn đề tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự, án phí là có căn cứ, phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 48, Điều 50 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 292, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sầm Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Sầm Văn V 02 (hai) năm tù, tính từ ngày 19/10/2023.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

3.1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Sầm Văn V và bị hại anh Hoàng Văn T về việc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Hoàng Văn T tổng số tiền 4.600.000 đồng.

3.2. Buộc bị cáo Sầm Văn V có trách nhiệm bồi thường cho chị Lê Thị H số tiền 2.100.000 đồng; bồi thường cho anh Trần Văn H số tiền 7.500.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Bị cáo Sầm Văn V phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 700.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo, Người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thảo Nguyên

Phạm Văn Xuân Hoàng Thị Bích Hà**Ngô Thảo Nguyên**

